

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v: “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồng Quang Minh;
- Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị [Phạm Thị Kim D](#), sinh năm 1981. Có mặt.

- Bị đơn: anh [Trần Quang Đ](#), sinh năm 1980. Có mặt

Cùng địa chỉ: [thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/202, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị [D](#) trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh [Trần Quang Đ](#) tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh [Đ](#) chơi cờ bạc, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm vợ con. Nay chị thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh [Đ](#).

Về con chung: có 02 con chung tên là [Trần Phạm Ánh D1](#), sinh ngày 27/01/2009 và [Trần Quang Đ1](#), sinh ngày 06/01/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con đến tuổi thành niên. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, anh [Đ](#) trình bày: anh không đánh vợ con, không cờ bạc, không phung phí tiền bạc vì đang đi thi công công trình nên ít có thời gian lo cho gia đình. Thời gian gần đây, giữa anh và chị [D](#) có những mâu thuẫn về tiền bạc nên chị [D](#) chặn tất cả cuộc gọi, tin nhắn của anh và không quan tâm, không nấu ăn và lo quần áo cho anh như trước, xúc phạm gia đình anh đồng thời muốn ly hôn với anh. Tuy nhiên anh không muốn ly hôn vì các con còn nhỏ, nên đề nghị Tòa án hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng anh.

Nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi cháu [Trần Phạm Ánh D1](#), giao cháu [Trần Quang Đ1](#) cho chị [D](#) nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng để chị [D](#) nuôi cháu [Đ1](#).

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị [Phạm Thị Kim D](#) và anh [Trần Quang Đ](#). Về trách nhiệm nuôi con chung và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh [Đ](#) có nơi cư trú tại [thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam](#). Chị [D](#) yêu cầu ly hôn với anh [Đ](#) và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: chị D và anh D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 01/10/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D, sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi cờ bạc, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm vợ con, chị D đã một lần xin ly hôn vào năm 2023, được Tòa án phân tích động viên nên chị đã rút lại đơn kiện nhưng đến nay anh D vẫn không thay đổi. Tại phiên tòa, anh D cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc nên chị D chặn tất cả cuộc gọi, tin nhắn của anh và không quan tâm, không nấu ăn và lo quần áo cho anh như trước, xúc phạm gia đình anh, nhưng anh không muốn ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị D cương quyết ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Trần Phạm Ánh D1, sinh ngày 27/01/2009 và Trần Quang D1, sinh ngày 06/01/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu D1 và D1 tự khai đều có nguyện vọng ở với mẹ. Tại phiên tòa các đương sự tự thỏa thuận giao cháu Trần Phạm Ánh D1 cho anh D và giao cháu Trần Quang D1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận mà không phân tích thêm.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh D tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 để chị D nuôi cháu Trần Quang D1, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2024 đến khi cháu D1 trưởng thành, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận mà không phân tích thêm.

Anh D, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh D phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84

Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Phạm Thị Kim D](#) đối với anh [Trần Quang Đ](#) về việc "ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị [Phạm Thị Kim D](#) và anh [Trần Quang Đ](#).

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cháu [Trần Phạm Ánh D1](#), sinh ngày 27/01/2009 cho anh [Trần Quang Đ](#) và giao cháu [Trần Quang Đ1](#), sinh ngày 06/01/2014 cho chị [Phạm Thị Kim D](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh [Trần Quang Đ](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng để chị [D](#) nuôi dưỡng cháu [Trần Quang Đ1](#). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu [Đ1](#) đến tuổi thành niên. Anh [Đ](#), chị [D](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị [D](#) phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị [D](#) đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010320 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh [Trần Quang Đ](#) phải chịu.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Quế Phú (Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 01/10/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Thọ